

CÔNG TY CP VẬN TẢI HÀ TIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Số : 10 / VTHT – KTTKTC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09.04.2013

A. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

Tên tổ chức niêm yết :

CÔNG TY CP VẬN TẢI HÀ TIÊN

Tên tiếng Anh :

HATIEN TRANSPORT JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt :

VẬN TẢI HÀ TIÊN

Mã chứng khoán :

HTV

Địa chỉ :

Km 7 Xa lộ Hà Nội – Q. Thủ Đức – TP HCM

Điện thoại :

08 . 38978924 – Fax : 08 . 38966169

Email :

info@vantaihatien.com.vn

Website :

www.vantaihatien.com.vn

Vốn điều lệ :

100.800.000.000 VND

Ngành nghề kinh doanh :

- Kinh doanh dịch vụ vận tải đường thủy, vận tải đường bộ trong và ngoài nước.

- Kinh doanh tổng hợp vật tư, thiết bị, phương tiện vận tải.

- Khai thác bến bãi và kinh doanh các ngành nghề khác theo phạm vi cho phép của pháp luật.

Giấy CNĐKKD:

Số 4103000047 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 04 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 15 tháng 04 năm 2009

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

1. Những sự kiện quan trọng:

1.1 Việc thành lập :

Công ty CP Vận tải Hà Tiên tiền thân là Xí nghiệp Vận tải trực thuộc Công ty Xi măng Hà Tiên 1.

1.2 Chuyển đổi sở hữu :

Theo quyết định số 24/2000/QĐ –TTg ngày 21/01/2000 của Thủ Tướng Chính phủ, Xí nghiệp Vận tải chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần và được đổi tên thành Công ty CP Vận tải Hà Tiên trực thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam.

- Vào ngày 07/04/2000, Đại hội cổ đông thành lập của Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên được tiến hành, đã thông qua “ Điều lệ tổ chức và hoạt động” của Công ty, bầu ra Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
- Vào ngày 24/04/2000, Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP. Hồ Chí Minh đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000047.
- Cấp thay đổi lần thứ nhất vào ngày 01 tháng 06 năm 2007 cho Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên, với chức năng hoạt động chính của Công ty: kinh doanh vận tải đường thủy, vận tải đường bộ trong và ngoài nước, kinh doanh tổng hợp vật tư thiết bị, phương tiện vận tải, khai thác bến bãi và kinh doanh các ngành nghề khác theo phạm vi cho phép của pháp luật.
- Cấp thay đổi lần hai vào ngày 15 tháng 04 năm 2009, tăng vốn điều lệ từ 48 tỷ đồng lên 100,8 tỷ đồng.

1.3 Niêm yết :

Theo Quyết định số 41/UBCK–GPNY ngày 07/12/2005, Ủy Ban chứng Khoán Nhà Nước đã quyết định chính thức cấp phép niêm yết cho Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên. Và sau đó, theo Thông báo số 791/TTGDHCM–NY ngày 27/12/2005 của Trung Tâm Giao dịch Chứng Khoán TP. HCM, ngày 05/01/2006 Công ty chính thức giao dịch 4.800.000 cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán TPHCM, với mã chứng khoán HTV.

- Theo Quyết định số 194/UBCK–GCN ngày 15/10/2007 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận cho Công ty được chào bán thêm 5.280.000 cổ phiếu ra công chúng.
- Ngày 11/01/2008 Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh đã ra thông báo số 34/TB-SGDHCM v/v niêm yết và giao dịch bổ sung 5.280.000 cổ phiếu phát hành thêm.

2 . Quá trình phát triển:

Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên ngày một khẳng định là một trong những công ty vận tải thủy lớn nhất khu vực phía Nam. Mặt hàng vận chuyển chủ yếu của Công ty là: clinker, thạch cao, đá phụ gia, than đá... cho các khách hàng lớn như Công ty CP Vicem Hà Tiên, Công ty Xi măng Holcim, Công ty Xi măng Fico ...Ngoài ra, Công ty còn tham gia vận chuyển cho một số khách hàng khác trong lĩnh vực vật liệu xây dựng.

3 . Định hướng phát triển:

+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty & chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty trong năm 2013 :

Năm 2013 là năm đầy bất ổn với kinh tế thế giới khi một số nước trong khu vực đồng tiền chung Châu Âu vẫn tiếp tục lún sâu vào khủng hoảng hầu hết các nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản ... đều phải đối mặt với nguy cơ suy giảm tăng trưởng.

Ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế toàn cầu, cùng với mục tiêu kiềm chế lạm phát trong nước, theo đánh giá của các chuyên gia mức tăng trưởng GDP Việt Nam năm 2012 thấp nhất trong vòng 13 năm qua.

- Trước những khó khăn trên, năm 2013 nhằm duy trì ổn định công ăn việc làm cho CBCNV, các thuyền viên, thủy thủ. Ban Giám đốc Công ty ổn định các tuyến hoạt động

truyền thống, tăng cường tiết kiệm chi phí, sử dụng nhiên liệu hiệu quả, rà soát công tác duy tu, sửa chữa hợp lý và tiết kiệm.

- Tiếp tục củng cố và giữ quan hệ bền vững với khách hàng truyền thống, không ngừng tìm kiếm khách hàng mới về vận chuyển hàng hoá khác.
- Ngoài ra, để khai thác triệt để tuyến đường thủy Kiên Lương về Long An & TP. Hồ Chí Minh một cách có hiệu quả, Công ty vẫn đang tiếp tục tái cấu trúc phương tiện, đầu tư mua mới một số sà lan có tải trọng lớn phục vụ những tuyến vận chuyển có cung đường dài
- **Trong năm 2013, Công ty CP Vận Tải Hà Tiên đã xây dựng kế hoạch vận chuyển 4.135.000 Tấn/ năm tăng 12,44% so với năm 2012.**
- Về công tác điều hành quản lý phương tiện, công ty đã tăng cường công tác điều độ, điều tiết phương tiện để hạn chế mức tối thiểu việc thuê ngoài vận chuyển. Chi thuê ngoài trong các trường hợp đặc biệt do yêu cầu khẩn cấp về thời gian bốc hàng và giải phóng phương tiện.
- Hợp tác với Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng – CFC khai thác tàu biển để phục vụ cho việc vận chuyển nguyên liệu sản xuất xi măng bằng đường biển từ cảng TPHCM đi Trạm nghiền XM Hòn Quy, Cam Ranh.
- Định biên lại nhân sự các phòng ban nghiệp vụ cho gọn nhẹ và hiệu quả hơn. Bên cạnh đó là việc đào tạo lại đội ngũ nhân viên hiện có, để có thể đảm nhận được những công việc mới cũng như làm tốt hơn công việc hiện tại.
- Áp dụng chính sách khoán tiền lương và chế độ khen thưởng thích hợp đối với người lao động, nhằm nâng cao khả năng sử dụng tối đa công suất phương tiện hiện có của Công ty.
- Dự báo trong năm 2013 Công ty sẽ khai thác triệt để công suất vận chuyển và nguồn nhân lực của Công ty để hoàn thành kế hoạch đã đề ra.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ :

1 Những nét nổi bật năm 2012:

- Triển khai thực hiện tốt nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2012.
- Trên cơ sở phương hướng nhiệm vụ năm 2012 đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2012 thông qua, Hội đồng Quản trị thường xuyên kiểm tra đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và có những chỉ đạo cụ thể nhằm hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2012
- Định biên lại nhân sự các phòng ban nghiệp vụ cho gọn nhẹ và hiệu quả hơn. Bên cạnh đó không ngừng tự đào tạo, đào tạo lại đội ngũ nhân viên hiện có, để có thể đảm nhận được những công việc mới cũng như làm tốt hơn công việc hiện tại.
- Hoàn thành việc thanh toán cổ tức năm 2011 với tỷ lệ 10%.
- Phê duyệt phương án chọn Công ty TNHH Kiểm toán & tư vấn A & C kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012.
- Hoàn thành việc đầu tư mua mới thêm 12 sà lan tự hành có trọng tải trên 1.000 tấn để phục vụ tuyến từ Cảng Sài Gòn đi Kiên Lương và ngược lại.

- ▶ Giao BGD xây dựng kế hoạch tái cấu trúc phương tiện bao gồm bán hanh lý sà lan cũ và đóng mới sà lan trên 1.000T.
- ▶ Ngoài năng suất, chất lượng hiệu quả, vấn đề tiết kiệm giảm chi phí, giảm định mức nhiên liệu cho từng tuyến vận chuyển luôn được Hội đồng Quản trị quan tâm, đây là yếu tố chính giảm giá thành, tăng năng lực cạnh tranh của Vận tải Hà Tiên.
- ▶ Thực hiện nghiêm túc các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định pháp luật hiện hành, đặc biệt dùng chế độ đãi ngộ người lao động có tâm huyết với Công ty.
- ▶ Miễn nhiệm 01 chức danh ủy viên HĐQT và bổ nhiệm mới 01 chức danh thành viên HĐQT.

2 Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2012:

Năm 2012 tiếp tục bị ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, tình hình lạm phát trong nước vẫn còn cao, tỷ giá USD nhiều biến động bất thường, lãi suất vay ngân hàng tăng cao, tình hình thắt chặt tín dụng của Ngân hàng là những nhân tố trên ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trước những khó khăn trên, trong đó thách thức lớn nhất là giá nhiên liệu luôn biến động tăng làm giá cước vận chuyển có tăng nhưng không đủ bù đắp chi phí xăng dầu. Trong bối cảnh chung đó, Hội đồng Quản trị đã thực hiện các giải pháp sau :

- ▶ Chỉ đạo các phòng ban chức năng thực hiện nghiêm túc và triệt để quan điểm HĐQT, Ban Giám đốc, với tiêu chí: không phân biệt tuyến vận chuyển gần hay xa, lợi nhuận ít hay nhiều đảm bảo tốt vòng quay phương tiện, tăng doanh thu & đảm bảo đời sống CB-CNV.
- ▶ Tăng cường quan hệ chặt chẽ với khách hàng truyền thống như: Công ty CP Vicem Hà Tiên, xi măng Holcim, Xi măng Fico Tây Ninh, Xi măng Thăng Long ...đảm bảo uy tín, vận chuyển hàng hóa đến nơi an toàn, đúng tiến độ. Luôn khẳng định thương hiệu Vận tải Hà Tiên, xây dựng niềm tin đối với khách hàng mới, khách hàng tiềm năng.
- ▶ Bám sát, nắm bắt kịp thời các thông tin thị trường, đối thủ cạnh tranh để đưa ra giải pháp tối ưu nhất.
- ▶ Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Hội đồng Quản trị, điều hành linh hoạt của Ban Giám đốc và sự nhất trí, đồng lòng của toàn thể CBCNV năm 2012, Công ty đạt được Kết quả sản xuất kinh doanh như sau :

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH NĂM 2012	TH NĂM 2012	TỶ LỆ% TH/KH
1	Tổng doanh thu	1.000đ	195.192.272	159.166.784	81,54
2	LN từ hoạt động vận tải	-	7.662.166	12.586.821	164,27
3	LN từ hoạt động tài chính	-	8.347.833	14.748.368	176,67
4	LN khác	-	14.000.000	25.816.282	184,40
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	-	30.010.000	53.151.472	177,11

6	Thuế TNDN	1.000đ	7.502.500	13.426.861	178,97
7	Tổng lợi nhuận sau thuế	-	22.507.500	39.724.610	176,49
8	Chi trả cổ tức	%	10		

+ Doanh thu vận chuyển năm 2012 giảm 18,46% so với kế hoạch, tương ứng với giá trị giảm 36.025.487.154 đ, mặc dù doanh thu không đạt kế hoạch, nhưng Công ty đã kịp thời đầu tư mua mới 12 sà lan có tải trọng trên 1.000 tấn để phục vụ tuyến vận chuyển nguyên liệu từ XM Kiên Lương về TPHCM và ngược lại. Đây là nhân tố chính làm tăng lợi nhuận từ hoạt động vận tải 64,27% so với kế hoạch.

+ Trong điều kiện thị trường cạnh tranh, các đơn vị tư nhân luôn chào giá vận chuyển thấp hơn giá của Công ty. Đây là thách thức và áp lực thường xuyên mà Công ty phải đối mặt.

+ Mặc khác, Công ty đã tổ chức tốt việc bán thanh lý sà lan cũ mang về khoản thu nhập khác hơn 25 tỷ đồng. Do đó, lợi nhuận sau thuế đã hoàn thành và vượt mức kế hoạch 76,49% .

+ Về việc chi trả cổ tức Công ty chờ quyết định của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 được tổ chức vào ngày 18/04/2013.

+ Với 24 sà lan có tải trọng trên 1.000 tấn và đội ngũ thuyền viên có kinh nghiệm về vận chuyển, Công ty đã khẳng định thương hiệu Vận tải Hà Tiên (HTV), phát triển liên tục không ngừng và bền vững trên lĩnh vực vận tải thủy bộ khắp các tỉnh miền Tây và Đông Nam Bộ .

3 Định hướng nhiệm vụ năm 2013:

Năm 2013, kinh tế thế giới đứng trước nguy cơ suy thoái mạnh, tốc độ tăng trưởng ở những nước phát triển là chậm & ở mức thấp.

Thế giới chứng kiến cuộc khủng hoảng nợ công của khu vực đồng Euro và thâm hụt ngân sách cao ở nhiều nước, bất ổn chính trị tại Trung Đông và các nước Châu Phi làm giá nhiên liệu tăng liên tục... , là những yếu tố bất lợi tác động tiêu cực mạnh đến nền kinh tế trong nước.

Ngoài ra, do Nhà nước thắt chặt tiền tệ, kiểm chế lạm phát, lãi suất cho vay cao, doanh nghiệp khó tiếp cận nguồn vốn...do đó hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp bị thu hẹp vì không có vốn để mở rộng sản xuất. Bên cạnh đó, giá nhiên liệu luôn biến động, giá sắt thép tăng sẽ ảnh hưởng đến giá tu bổ, sửa chữa ... là những nguyên nhân làm cho chi phí giá thành vận chuyển tăng cao.

Trước tình hình đó, Công ty xây dựng kế hoạch năm 2013 trên cơ sở :

➤ Phát huy uy tín và sự tận tâm với khách hàng truyền thống như: Công ty CP Vicem Hà Tiên, xi măng Holcim, Xi măng Fico Tây Ninh ... cùng với tinh thần đoàn kết gắn bó, tính chủ động tìm tòi những luồng lạch mới có tuyến đường ngắn hơn để chở hàng đến nơi an toàn và đảm bảo đúng tiến độ.

➤ Thực hiện tốt công tác quản lý các mặt hoạt động SXKD của Công ty sát với tình hình thực tế và đạt hiệu quả cao nhất.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế khoán lương đối với khối lao động trực tiếp theo hướng gắn thu nhập với hiệu quả và khối lượng công việc. Dùng tiền lương làm đòn bẩy trong công việc thúc đẩy tăng năng suất lao động và nâng cao hiệu quả.
- Năm 2013, HĐQT chỉ đạo BGD khai thác triệt để tuyến luồng lạch từ XM Kiên Lương về Trạm nghiên Thủ Đức, Phú Hữu, Long An... vì những tuyến này khối lượng hàng hóa cao. Để đáp ứng nhu cầu vận chuyển trên, HĐQT quyết nghị cho BGD bán thanh lý những sà lan công suất nhỏ, hiệu quả kém và đầu tư mua mới sà lan có tải trọng lớn phù hợp với luồng lạch từ Kiên Lương về Thủ Đức.
- Dù nhiệm vụ trước mắt sẽ còn nhiều khó khăn, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và toàn thể công nhân lao động trong Công ty quyết tâm thực hiện thành công kế hoạch năm 2013 với chỉ tiêu dự kiến như sau :

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2012	KẾ HOẠCH NĂM 2013	TỶ LỆ% SO VỚI TH NĂM 2012
1	Sản lượng	Tấn	3.677.511	4.135.000	112,44
2	Doanh thu	1.000đ	159.166.785	194.172.698	121,99
3	Lợi nhuận trước thuế	-	53.151.472	22.217.266	41,80
4	Lợi nhuận sau thuế	-	39.724.610	16.662.950	41,95
5	Tỷ lệ cổ tức	%	10	10	100

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC :

1 Báo cáo tình hình tài chính :

Kết quả tài chính năm 2012 của Công ty được thể hiện qua các chỉ tiêu sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2011	THỰC HIỆN NĂM 2012
1	Vốn điều lệ	Đồng	100.800.000.000	100.800.000.000
2	Sản lượng	Tấn	3.428.150	3.677.511
3	Doanh thu	Đồng	120.086.469.147	159.166.784.846
4	Giá vốn hàng bán	-	110.226.992.814	133.548.188.168
5	Lợi nhuận trước thuế	-	30.786.846.574	53.151.472.016
6	Thuế TNDN hiện hành	-	7.674.002.118	13.426.861.904
7	Lợi nhuận sau thuế	-	23.112.844.456	39.724.610.112

8	LN trước thuế / DT thuần	%	25.89	33,39
9	LN trước thuế / vốn chủ sở hữu	-	13.51	20,75
10	LN trước thuế / tổng tài sản	-	12.11	17,91
11	Chỉ số PE	Đồng		
12	Tài sản ngắn hạn/ tổng tài sản	%	76.67	62,76
13	Tài sản dài hạn/ tổng tài sản	-	23.33	37,24
14	Nợ phải trả / tổng nguồn vốn	-	10.05	13,67
15	Vốn chủ sở hữu/ tổng nguồn vốn	-	89.95	86,33
16	Nợ phải trả/ vốn chủ sở hữu	-	11.18	15,84
17	Tỷ số khả năng thanh toán nhanh	lần	7.68	4,59

Phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh :

Phân tích tổng quan về hoạt động của Công ty so với thực hiện năm 2011 :

- Sản lượng đạt 3.677.511 tấn hoàn thành vượt mức 107,27% so với năm 2011.
- Tổng doanh thu đạt 159,166 tỷ đồng hoàn thành vượt mức 132,54% so với năm 2011 và bằng 81,54% so với kế hoạch.
 - Trong 6 tháng đầu năm, do Công ty vẫn còn khai thác các sà lan có tải trọng 300 T nên hiệu quả kinh tế không cao.
 - Sau đó, Công ty đã mạnh dạn tái cấu trúc phương tiện và đầu tư mua mới 12 sà lan có tải trọng trên 1.000 T phục vụ cho tuyến Kiên Lương – TPHCM và ngược lại. Do đó, doanh thu 6 tháng cuối năm tăng lên rõ rệt.
 - Do tình hình bất động sản đóng băng vẫn chưa có dấu hiệu hồi phục, tốc độ xây dựng bị đình trệ dẫn đến việc sản xuất & tiêu thụ xi măng và các loại VLXD gặp nhiều khó khăn, do đó nhu cầu vận chuyển nguyên liệu cho các nhà máy sản xuất xi măng cũng giảm sút, ảnh hưởng đến sản lượng & doanh thu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế Công ty đã hoàn thành vượt mức 176,49% so với kế hoạch. Nguyên nhân do Công ty đã tổ chức tốt việc bán thanh lý một số sà lan có công suất nhỏ, đã khấu hao hết... Số tiền bán thanh lý sà lan Công ty đã ghi nhận vào phần thu nhập khác dẫn đến lợi nhuận năm nay tăng.
- Công ty đã làm tốt công tác tiếp thị tìm kiếm nguồn hàng khác, duy trì mối quan hệ tốt đẹp với khách hàng truyền thống.

- Đầu tư mua mới 12 sà lan có tải trọng từ 1.200 – 1.600 tấn thay thế các sà lan có tải trọng nhỏ.
- Tình giảm biên chế, đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho nhân viên khối gián tiếp. Từng bước thay đổi tổ chức lại về con người cũng như phương tiện cho phù hợp
- Thường xuyên giám sát chặt chẽ việc điều động phương tiện thích hợp với từng tuyến vận chuyển, tăng bốc dỡ hàng hoá và giải phóng tàu nhanh tại bến.
- Rà soát định mức nhiên liệu tiết kiệm và giảm chi phí sửa chữa là vấn đề được Ban Giám đốc quan tâm thường xuyên.

Nhìn chung, năm 2012 Ban Giám đốc Công ty đã có nhiều nỗ lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch theo Nghị quyết Hội đồng cổ đông thường niên năm 2012, vừa bảo đảm tăng thu nhập cho người lao động cũng như chi trả cổ tức cho các cổ đông kịp thời và đạt chỉ tiêu so với kế hoạch đề ra.

2 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 :

Trong bối cảnh nền kinh tế chưa thoát khỏi khủng hoảng, tình hình lạm phát tăng cao, giá các mặt hàng chủ lực (điện, xăng dầu...) tăng liên tục, lãi suất vay Ngân hàng có giảm nhưng không đáng kể, các doanh nghiệp khó tiếp cận nguồn vốn vay, nên hầu hết các doanh nghiệp không có điều kiện mở rộng sản xuất...

Năm 2013 là năm đầy khó khăn, Ban Giám đốc Công ty đề ra chỉ tiêu chủ yếu như sau :

- Sản lượng : 4.135 tấn**
- Doanh thu : 194 tỷ đồng**
- Lợi nhuận trước thuế : 22,217 tỷ đồng**
- Lợi nhuận sau thuế : 16,66 tỷ đồng**

Sau đây là phương hướng, nhiệm vụ được Ban lãnh đạo Công ty đặt ra để hoàn thành các mục tiêu trên :

- Duy trì mối quan hệ tốt đẹp với khách hàng truyền thống, tiếp tục triển khai công tác tiếp thị nguồn hàng mới.
- Khai thác triệt để kết hợp hàng hai chiều đối với những tuyến đường dài.
- Tiếp tục bán thanh lý những sà lan công suất 300 tấn, hiệu quả thấp.
- Đầu tư mua mới sà lan tự hành tải trọng trên 1.000 tấn, chuyên dùng vận chuyển tuyến đường từ Kiên Lương - Thủ Đức & Phú Hữu.
- Hợp tác với Công ty Tài chính CP Xi măng – CFC khai thác tuyến vận chuyển nguyên liệu sản xuất xi măng bằng đường biển từ cảng TPHCM đến Trạm nghiền Xi măng Hòn Quy – Cam Ranh.
- Tiết kiệm chi phí tiếp nhận hàng hoá, chi phí gom vét, chi phí đăng kiểm; giảm định mức nhiên liệu phù hợp với từng cung đường
- Tình hình thị trường bất động sản đóng băng vẫn chưa dấu hiệu hồi phục, dẫn đến sản lượng tiêu thụ VLXD và xi măng giảm đáng kể, ảnh hưởng trực tiếp đối với Công ty CP Vận tải Hà Tiên.

Với thương hiệu, kinh nghiệm và uy tín của Công ty CP Vận tải Hà Tiên trên thương trường “ *Vận chuyển đường thủy ở các tỉnh khu vực Đồng bằng Sông Cửu long*” được khẳng định cùng với sự nỗ lực phấn đấu của tập thể, lãnh đạo Công ty quyết tâm thực hiện thành công kế hoạch năm 2013 đề ra.

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc năm tài chính, và sau khi đã được kiểm toán. Công ty đã lập các báo cáo tài chính theo đúng các biểu mẫu quy định của Bộ Tài Chính, và theo đúng các chuẩn mực kế toán hiện hành :

Bảng cân đối kế toán ngày 31.12.2012.

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2012.

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2012

(đính kèm các báo cáo tài chính của năm 2012 nêu trên)

V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kiểm Toán độc lập :

Đơn vị kiểm toán độc lập :

Công ty TNHH Kiểm Toán & Tư vấn A & C

Số 229 , đường Đồng Khởi , Quận I , TP. Hồ Chí Minh.

Ý kiến của cơ quan kiểm toán:

Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012 của Công ty đã được Đoàn kiểm toán của Công ty Kiểm Toán và Tư Vấn A&C kiểm toán & lập báo cáo ngày 19.03.2013 với những ý kiến sau:

- Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP Vận tải Hà Tiên tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của Công ty : Tổng Công ty Công Nghiệp Xi Măng Việt nắm giữ 50.479.700.000 đồng, chiếm tỷ lệ 50.08% / vốn điều lệ Công ty.
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần do Công ty nắm giữ: không có
- Tình hình đầu tư vào các Công ty liên quan: không có

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức của Công ty :

Công ty được quản lý và điều hành theo cơ cấu tổ chức gồm:

+ Đại hội đồng cổ đông

+ Hội đồng Quản trị & Ban kiểm soát

+ Ban Giám đốc (Giám đốc và 02 Phó Giám đốc)

◦ Đại hội cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội bầu ra Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

◦ **Đại hội đồng cổ đông** : là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người được cổ đông uỷ quyền. ĐHĐCĐ có quyền và nhiệm vụ như sau:

- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty.
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của Ban Kiểm soát & HĐQT.
- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.
- Quyết định số lượng thành viên HĐQT.
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS thông qua việc HĐQT bổ nhiệm Giám đốc.
- Quyết định tăng giảm vốn điều lệ, thông qua định hướng phát triển của Công ty, quyết định đầu tư hoặc bán tài sản không còn sử dụng.

◦ **Hội đồng Quản trị** gồm 05 thành viên, trong đó có 1 thành viên là Giám đốc Công ty, HĐQT là đơn vị quản lý cao nhất Công ty, đứng đầu là Chủ tịch Hội đồng Quản trị. HĐQT hoạch định chiến lược chung, định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, quyết định bộ máy điều hành của Công ty bao gồm: Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các trưởng phòng ban. Hiện nay HĐQT có 4 thành viên không trực tiếp tham gia điều hành Công ty. Hàng quý HĐQT tổ chức họp để rà soát các chỉ tiêu thực hiện của Công ty quý qua và đưa ra phương hướng hành động quý tiếp theo.

Trong năm 2012, các thành viên đã tích cực phối hợp, hỗ trợ công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể là HĐQT đã tổ chức 01 kỳ Đại hội cổ đông thường niên năm 2012 và 03 cuộc họp HĐQT định kỳ để trực tiếp, kiểm tra đánh giá kết quả hoạt động và đưa ra chỉ đạo kịp thời. Vì đa phần các thành viên trong HĐQT là thành viên không trực tiếp điều hành Công ty, nên các công việc cần trao đổi và xin ý kiến các thành viên trong HĐQT, Ông Chủ tịch HĐQT quyết định lập các Nghị quyết luân chuyển, lần lượt chuyển cho các thành viên trong HĐQT xem và có ý kiến trong bản NQ luân chuyển này. Các nghị quyết và quyết định của HĐQT đều dựa trên sự thống nhất, chấp thuận của các thành viên HĐQT và trên cơ sở vì lợi ích của các cổ đông và vì sự phát triển chung của Công ty.

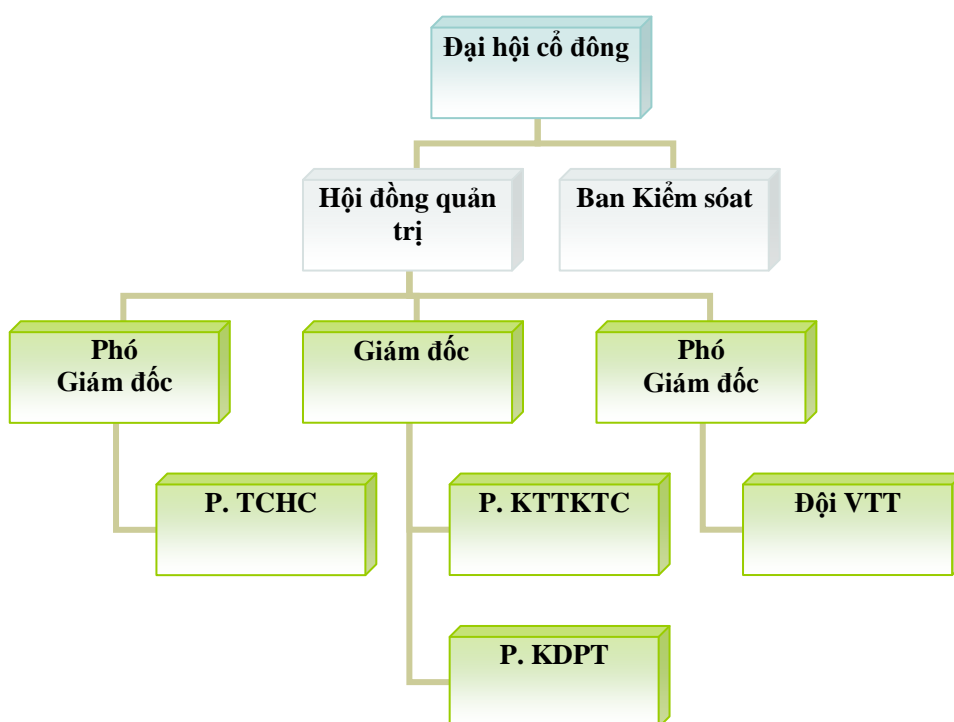
◦ **Ban Kiểm soát** gồm 03 thành viên cũng không trực tiếp tham gia điều hành Công ty. Là bộ phận tham gia những ý kiến cụ thể cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát:

- Thực hiện giám sát HĐQT, Giám đốc trong việc điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực về mức độ cẩn trọng trong quản lý điều hành hoạt động SXKD, trong công tác tổ chức kế toán thống kê và lập Báo cáo tài chính
- Thẩm định báo cáo tài chính, tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 6 tháng của Công ty, báo cáo công tác quản lý của HĐQT.
- Trình báo cáo hoạt động của Công ty trước Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

- Và là nơi đáng tin cậy trong việc quản lý vốn cho các cổ đông.
- **Giám đốc** là người là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc tổ chức, quản lý, điều hành mọi hoạt động của Công ty.
- Sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của Công ty và tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao.
- Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế, dân sự và các hợp đồng khác phục vụ hoạt động SXKD của Công ty.
- Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý của Công ty mà không thuộc đối tượng do HĐQT bổ nhiệm.
- Tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng người lao động theo quy định của HĐQT, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và nhu cầu SXKD của Công ty. Quyết định mức lương, phụ cấp cho người lao động trong Công ty.
- Là người chịu trách nhiệm công bố thông tin theo quy định của UBCK Nhà nước.
- Căn cứ Giấy phép Đăng ký Kinh doanh, Giám đốc là người chịu trách nhiệm trước pháp luật
- **Các Phó Giám đốc** là những người phụ giúp Giám đốc trong quản lý và điều hành các hoạt động Sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các nhiệm vụ được giao.
- **Kế toán trưởng** là người tham mưu cho Giám đốc về công tác quản lý tài chính – thống kê - kế toán của đơn vị, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các vấn đề có liên quan đến công tác kế toán tài chính, quyết toán tài chính, thuế và tính thực hiện các chế độ quản lý tài chính của Công ty

Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty



Tóm tắt lý lịch các thành viên trong Ban Giám Đốc

1 / Ô. Nguyễn Tuấn Anh, giữ chức vụ Giám Đốc năm 2012

Sinh ngày 02.11.1971

Địa chỉ : 214/ 17/ 4, Nguyễn Văn Nguyễn – Quận 1, TP. HCM

Trình độ chuyên môn : Cử nhân hàng hải Gdynia – Balan; Thạc sỹ quản trị kinh doanh San Francico – Hoa Kỳ

2 / Ô. Đỗ Văn Huân , giữ chức vụ Giám đốc từ ngày 22/03/2013

Sinh ngày 08/04/1981

Địa chỉ : 1/2/28 đường D3- Phường 25 – Quận Bình Thạnh - TP. HCM

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế vận tải biển

3 / Ô. Trương Công Bảo, Phó Giám đốc

Sinh ngày 31.03.1955

Địa chỉ : 6 / 7 / 12 Tân Hoà , Phường 1 , Q 11, TP. HCM

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí.

4 / Ô. ĐẶNG THÀNH KẾT, Phó Giám đốc

Sinh ngày 30.04.1956

Địa chỉ : 56 A tổ 9 – KP Bến cát – Phường. Phước bình – Q9- TPHCM

5 / Ô. TRẦN MINH HUY, Kế toán trưởng

Sinh ngày 01.01.1957

Địa chỉ : 229 / 135 Thích Quảng Đức – Phường 4- Q. Phú nhuận - TPHCM

Trình độ chuyên môn : cử nhân Kinh tế

Quyền lợi của Ban Giám đốc (tiền lương, tiền thưởng và các quyền lợi khác) :

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	LƯƠNG, THƯỞNG NĂM 2012 (đ)	GHI CHÚ
1	NGUYỄN TUẤN ANH	GIÁM ĐỐC	743.918.983	
2	NGUYỄN THÀNH KẾT	P. GIÁM ĐỐC	572.624.171	
3	TRƯƠNG CÔNG BẢO	P. GIÁM ĐỐC	600.997.186	
4	TRẦN MINH HUY	KẾ TOÁN TRƯỞNG	401.921.413	
	CỘNG		2.319.461.753	

2 Số lượng lao động và các chính sách đối với người lao động :

- *Đội ngũ cán bộ, công nhân lao động (tính đến 31/ 12/ 2012):*

Tổng số : 192 người (giảm 41 người so với năm 2011)

Trong đó, chia ra :

Trực tiếp : 152 người, chiếm tỷ lệ : 79,17%
Gián tiếp : 40 người, chiếm tỷ lệ : 20,83%

Trong đó, chia ra :

- Trên đại học : 01 người, chiếm tỷ lệ : 0,52%
- Đại học và Cao đẳng : 16 người, chiếm tỷ lệ : 8,33%
- Trung học chuyên nghiệp : 03 người, chiếm tỷ lệ : 1,56%
- Công nhân kỹ thuật & lao động phổ thông : 172 người, chiếm tỷ lệ : 89,59%

Các chính sách đối với người lao động :

➤ Chính sách tiền lương :

Áp dụng lương theo chức danh và tính chất từng công việc, Công ty thực hiện chi trả lương cho CB – CNV trong Công ty đúng và đầy đủ theo Quy chế lương trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành.

➤ Chính sách tiền thưởng :

Công ty thực hiện thưởng cho CB – CNV trên cơ sở lương chức danh công việc và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

➤ Các chế độ chính sách khác đối với người lao động :

Công ty thực hiện chế độ phúc lợi cho người lao động như: chế độ trợ cấp cho CB-CNV có hoàn cảnh khó khăn, tổ chức thăm hỏi động viên gia đình người lao động hoặc thân nhân người lao động bị ốm đau, bệnh tật, tử tuất...

Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của luật Lao động.

VIII THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG & QUẢN TRỊ CÔNG TY :

1 Hội Đồng Quản Trị và Ban kiểm soát

Thành phần Hội đồng Quản trị gồm 5 thành viên

- Ô. Trần Việt Thắng, Chủ tịch HĐQT, thành viên độc lập
- Ô. Nguyễn Tuấn Anh, Ủy Viên HĐQT, thành viên độc lập
- Ô. Đỗ Văn Huân, Ủy viên HĐQT, thành viên kiêm Giám đốc
- Ô. Phạm Văn Thông, Ủy Viên HĐQT, thành viên độc lập
- Ô. Nguyễn Minh Ngọc, Ủy Viên HĐQT, thành viên độc lập.

Ban Kiểm soát gồm :

- B. Nguyễn Thị Kim Dung, Trưởng ban, thành viên độc lập
- Ô. Phạm Thế Nghĩa, Ủy viên, thành viên độc lập
- B. Nguyễn Thị Huệ, Ủy Viên, thành viên độc lập

Căn cứ NQ HĐQT họp ngày 15 / 03 / 2013 v/v bổ nhiệm Ông Đỗ Văn Huân là thành viên HĐQT giữ chức vụ Giám đốc thay thế Ông Nguyễn Tuấn Anh kể từ ngày 22 /03 / 2013

Tóm tắt lý lịch Ông Đỗ Văn Huân - Giám đốc

- Giới tính : Nam
- Ngày, tháng năm sinh : 08/04/1981
- Nơi sinh : Thái Bình
- Số CMND : 151291700 cấp ngày 14 / 06 / 1999 tại Thái Bình
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã An Ninh, huyện Tiền Hải - tỉnh Thái bình
- Địa chỉ thường trú : 1/2/28 đường D3- P. 25- Quận Bình Thạnh - TPHCM
- Điện thoại liên lạc : 0904434757
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế vận tải biển
- Quá trình công tác :
- Từ năm 2006 đến năm 2007 : Trưởng phòng đại lý tàu biển Công ty Cổ phần Vận Tải và Thương Mại Quốc Tế ITC.
 - Từ năm 2007 đến năm 2008 : Trưởng phòng khai thác tàu biển Công ty Cổ phần Vận Tải và Thương Mại Quốc Tế ITC
 - Từ năm 2008 đến năm 2009 : Phó giám đốc công ty Cổ phần Vận Tải và Thương Mại Quốc Tế ITC
 - Từ năm 2009 đến năm 2010 : Chuyên viên phòng đại lý tàu biển Công ty Cổ phần Gemadept.
 - Từ năm 2010 đến năm 2011 : Phó phòng khai thác tàu biển Vinalines Hồ Chí Minh.
 - Từ năm 2011 đến năm 2012 : Giám đốc vận tải bộ Công ty Cổ phần Vận Tải và Thương Mại Quốc Tế ITC
 - Từ 20/04/2012–31/01/2013 : Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vận Tải Hà Tiên.

- Từ 01/02-21/03/2013 : Thành viên Hội đồng Quản trị giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên.

- Từ ngày 22/ 03/ 2013 : Thành viên Hội đồng Quản trị giữ chức vụ Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên.

Chức vụ công tác hiện nay tại TCNY : Thành viên HĐQT giữ chức vụ Giám đốc Công ty CP Vận tải Hà Tiên

Chức vụ hiện nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Số cổ phiếu nắm giữ tại thời điểm : 22/ 03/ 2013

- Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/ cổ đông chiến lược) sở hữu : 1.305.200 cp, chiếm tỷ lệ : 12, 95.% / VDL

- Cá nhân sở hữu : 2.000cp, chiếm tỷ lệ 0,02.% / VDL

2 Mức thù lao của HĐQT, BKS Công ty trong năm 2012 được tổng hợp như sau :

Ô. Trần Việt Thắng,	Chủ tịch HĐQT,	120.000.000 đ
Ô. Nguyễn Tuấn Anh,	Ủy viên HĐQT	72.000.000 đ
Ô. Nguyễn Đình Lịch,	Ủy viên HĐQT,	24.000.000 đ
Ô . Phạm Văn Thông,	Ủy viên HĐQT,	72.000.000 đ
Ô. Đỗ Văn Huân ,	Ủy Viên HĐQT,	48.000.000 đ
Ô. Nguyễn Minh Ngọc,	Ủy Viên HĐQT,	72.000.000 đ
B. Nguyễn Thị Kim Dung,	Trưởng ban KS,	48.000.000 đ
B . Nguyễn Thị Huệ,	Ủy Viên ,	36.000.000 đ
Ô. Phạm Thế Nghĩa,	Ủy viên,	36.000.000 đ
TỔNG CỘNG		528.000.000 đ

3 Cơ cấu vốn cổ đông :

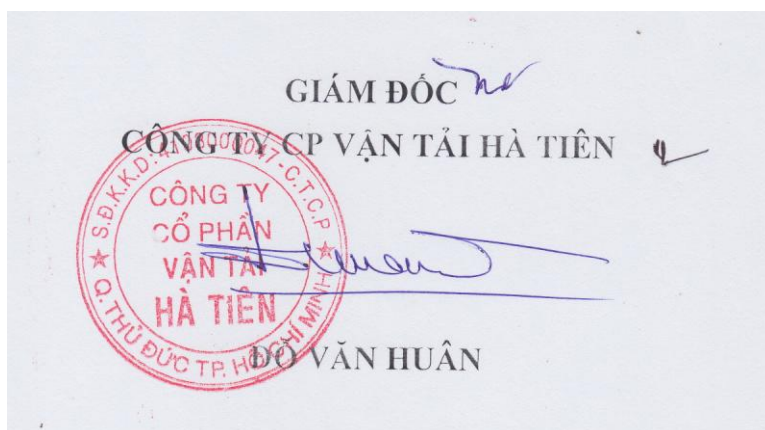
Tình hình cơ cấu cổ đông của Công Ty được tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

TT	NHÓM CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG SỞ HỮU (CP)	TỶ LỆ (%)
----	--------------	------------------------------	----------------

1	Cổ đông nhà nước (Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt nam đại diện)	5.047.970	50.08
2	Vốn góp của cá nhân khác	4.569.820	45.34
3	Cổ phiếu quỹ	462.210	4.58
	TỔNG CỘNG	10.080.000	100,00

Trên đây là một số nét chính về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012 của Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên.

Kính báo cáo.



B. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2012

1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

DVT: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		186.232.077.473	196.285.163.714
(100=110+120+130+140+150)				
I.Tiền và các khoản tương đương tiền	110		8.439.605.234	10.793.438.792
1-Tiền	111	V.01	439.605.234	5.649.547.292

2-Các khoản tương đương tiền	112		8.000.000.000	5.143.891.500
II.Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	16.128.282.300	71.330.282.300
1-Đầu tư ngắn hạn	121		16.128.646.764	71.330.646.764
2-Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(364.464)	(364.464)
III.Các khoản phải thu ngắn hạn	130		111.147.618.256	63.033.201.286
1-Phải thu khách hàng	131		109.346.919.859	61.622.529.862
2-Trả trước cho người bán	132		5.000.000	65.000.000
3-Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4-Phải thu theo tiến độ kế hoạch hàng xđụng	134			
5-Các khoản phải thu khác	135	V.03	1.904.176.397	1.465.149.424
6-Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(108.478.000)	(119.478.000)
IV.Hàng tồn kho	140		516.571.683	533.241.346
1-Hàng tồn kho	141	V.04	516.571.683	533.241.346
2-Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V.Tài sản ngắn hạn khác	150		50.000.000.000	50.594.999.990
1-Chi phí trả trước ngắn hạn	151			539.999.990
2-Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3-Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	154	V.05		
4-Tài sản ngắn hạn khác	158		50.000.0000.000	50.055.000.000
B-TÀI SẢN DÀI HẠN	200		110.491.106.544	59.734.282.663
(200=210+220+240+250+260)				
I.Các khoản phải thu dài hạn	210			
1-Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2-Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3-Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
4-Phải thu dài hạn khác	218	V.07		
5-Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II.Tài sản cố định	220		94.546.346.544	57.113.842.663
1-Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	94.546.346.544	57.051.342.663
- Nguyên giá	222		134.238.368.064	99.213.254.081
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(39.692.021.520)	(42.161.911.418)
2-Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3-Tài sản cố định vô hình	227	V.10		
- Nguyên giá	228			

- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
4-Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11		62.500.000
III.Bất động sản đầu tư	240	V.12		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV.Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		15.944.760.000	2.620.440.000
1-Đầu tư vào công ty con	251			
2-Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3-Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	33.230.879.270	20.990.879.270
4-Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(17.286.119.270)	(18.370.439.270)
V.Tài sản dài hạn khác	260			
1-Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14		
2-Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3-Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		296.723.184.017	256.019.446.377

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
A-NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		40.563.335.672	25.742.644.846
I.Nợ ngắn hạn	310		40.563.335.672	25.742.644.846
1-Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15		
2-Phải trả người bán	312		21.113.300.886	8.657.096.334
3-Người mua trả tiền trước	313			
4-Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	4.539.637.787	3.144.089.793
5-Phải trả người lao động	315		5.853.844.486	7.045.224.119
6-Chi phí phải trả	316	V.17	5.975.105.535	4.877.437.751
7-Phải trả nội bộ	317			
8-Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	318			
9-Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	503.044.243	521.292.618
10-Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11-Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.16	2.578.402.735	1.497.504.231
12-Giao dịch mua bán lại trái phiếu CP	327			
II.Nợ dài hạn	330			
1-Phải trả dài hạn người bán	331			

2-Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3-Phải trả dài hạn khác	333			
4-Vay và nợ dài hạn	334	V.20		
5-Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6-Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7-Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8-Doanh thu chưa thực hiện	338			
9-Quỹ phát triển khoa học & công nghệ	339			
B-VỐN CHỦ SỞ HỮU				
400=(410+430)	400		256.159.848.345	230.276.801.531
I.Vốn chủ sở hữu	410	V.22	256.159.848.345	230.276.801.531
1-Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.800.000.000	100.800.000.000
2-Thặng dư vốn cổ phần	412		69.222.867.374	69.222.867.374
3-Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4-Cổ phiếu quỹ (*)	414		(3.663.270.042)	(3.355.561.854)
5-Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6-Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7-Quỹ đầu tư phát triển	417		43.177.778.793	34.863.778.793
8-Quỹ dự phòng tài chính	418		6.625.042.694	5.469.400.471
9-Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10-Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		39.997.429.526	23.276.316.747
11-Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
II.Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1-Nguồn kinh phí	432	V.23		
2-Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		296.723.184.017	256.019.446.377

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
1- Tài sản thuê ngoài	24		
2- Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công			
3- Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4- Nợ khó đòi đã xử lý		86,130,626	86,130,626
5- Ngoại tệ các loại			
6- Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

2. BC LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (PP GIÁN TIẾP)

CHỈ TIÊU	M S	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI	
		NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HĐ SX KD			
Lợi nhuận trước thuế	01	53.151.472.016	30.786.846.574
Điều chỉnh cho các khoản :			
Khấu hao tài sản cố định	02	10.463.462.881	6.186.462.991
Các khoản dự phòng	03	-1.095.320.000	-3.093.699.207
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	39.465.282.448	-29.728.312.227
Chi phí lãi vay	06		
Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	23.054.332.449	4.151.298.131
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	48.048.416.970	-12.217.531.474
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	16.669.663	-85.390.122
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay, thuế TN)	11	13.226.599.761	-462.419.382
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	539.999.990	-539.999.990
Tiền lãi vay đã trả	13		
Thuế thu nhập đã nộp	14	12.900.669.343	-7.506.519.311
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	25.000.000.000	
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	27.848.909.344	-51.121.910.300
LƯU CHUYỂN TIỀN thuần từ hoạt động KD	20	26.960.393.794	-67.782.472.448
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HĐ ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	18.209.161.204	-36.603.197.742
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	26.116.454.546	20.960.091.819
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	40.740.000.000	-63.170.000.000
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	83.702.000.000	104.900.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-556.240.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		6.942.595.812
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	13.662.765.082	18.515.760.310
LƯU CHUYỂN TIỀN thuần TỪ HĐ ĐẦU TƯ	30	34.532.058.424	50.989.010.199
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HĐ TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu mua lại	32	-307.708.188	-3.104.174.958

cổ phiếu của DN			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-9.617.790.000	-9.917.420.000
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HĐ TÀI CHÍNH	40	-9.925.498.188	-13.021.594.958
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	-2.353.833.558	-29.815.057.207
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	10.793.438.792	40.608.495.999
Anh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	8.439.605.234	10.793.438.792

3 KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Dthu bán hàng và cung cấp DV	01	VI.25	159.166.784.846	120.086.469.147
Trong đó: Doanh thu VT Thủy			148.761.344.761	107.148.898.444
Doanh thu vận tải Bộ			10.405.440.085	12.937.570.703
2. Các khoản giảm trừ	02			
3. Doanh thu thuần (10=01-02)	10		159.166.784.846	120.086.469.147
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	133.548.188.168	110.226.992.814
5. Lợi nhuận gộp (20=10 - 11)	20		25.618.596.678	9.859.476.333
6. Doanh thu HĐ tài chính	21	VI.26	13.664.790.901	18.599.509.285
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	-1.083.577.262	6.593.128.561
Trong đó: Lãi vay phải trả	23			
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13.031.775.263	11.967.890.168
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		27.335.189.578	9.897.966.889
11. Thu nhập khác	31		26.129.476.880	20.960.091.819
12. Chi phí khác	32		313.194.442	71.212.134
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		25.816.282.438	20.888.879.685
14. Tổng LN kế toán trước thuế (50=30+40)	50		53.151.472.016	30.786.846.574
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	13.426.861.904	7.674.002.118

16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51)	60		39.724.610.112	23.112.844.456
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		4.130	2.321

4. BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

a. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Nội dung	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ
I	Tài sản ngắn hạn	186.232.077.473	196.285.163.714
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	8.439.605.234	10.793.438.792
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	16.128.282.300	71.330.282.300
	- Tiền gửi NH	16.128.000.000	71.330.000.000
	- Đầu tư mua cổ phiếu ngắn hạn	646.764	646.764
	- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(364.464)	(364.464)
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	111.147.618.256	63.033.201.286
4	Hàng tồn kho	516.571.683	533.241.346
5	Tài sản ngắn hạn khác	50.000.000.000	50.594.999.990
II	Tài sản dài hạn	110.491.106.544	59.734.282.663
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	94.546.346.544	57.113.842.663
	- Tài sản cố định hữu hình	94.546.346.544	57.051.342.663
	- Tài sản cố định vô hình		
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	62.500.000
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	15.944.760.000	2.620.440.000
	- Vốn góp liên doanh		
	- Đầu tư cổ phiếu dài hạn	33.230.879.270	20.990.879.270
	- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(17.286.119.270)	(18.370.439.270)
5	Tài sản dài hạn khác		
A	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (I+ II)	296.723.184.017	256.019.446.377
III	Nợ phải trả	40.563.335.672	25.742.644.846
1	Nợ ngắn hạn	40.563.335.672	25.742.644.846
2	Nợ dài hạn	-	-
IV	Vốn chủ sở hữu	256.159.848.345	230.276.801.531
1	Vốn chủ sở hữu	256.159.848.345	230.276.801.531
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100.800.000.000	100.800.000.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	69.222.867.374	69.222.867.374
	- Vốn khác của chủ sở hữu		
	- Cổ phiếu quỹ	(3.663.270.042)	(3.355.561.854)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		

	- Các quỹ	49.802.821.487	40.333.179.264
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	39.997.429.526	23.276.316.747
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác		
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
B	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(III+IV)	296.723.184.017	256.019.446.377

b. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	159.166.784.846	120.086.469.147
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	159.166.784.846	120.086.469.147
4	Giá vốn hàng bán	133.548.188.168	110.226.992.814
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.618.596.678	9.859.476.333
6	Doanh thu hoạt động tài chính	13.664.790.901	18.599.509.285
7	Chi phí tài chính	(1.083.577.262)	6.593.128.561
8	Chi phí lãi vay NH		
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.031.775.263	11.967.890.168
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	27.335.189.578	9.897.966.889
11	Thu nhập khác	26.129.476.880	20.960.091.819
12	Chi phí khác	313.194.442	71.212.134
13	Lợi nhuận khác	25.816.282.438	20.888.879.685
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	53.151.472.016	30.786.846.574
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.426.861.904	7.674.002.118
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	39.724.610.112	23.112.844.456
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.130	2.321

C. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2012

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên (gọi tắt là Công ty)

I ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Dịch vụ và thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Kinh doanh dịch vụ vận tải đường thủy, vận tải đường bộ trong và ngoài nước; kinh doanh tổng hợp vật tư, thiết bị, phương tiện vận tải, khai thác bến bãi và kinh doanh các ngành nghề khác theo phạm vi cho phép của pháp luật.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.

II KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm 2012 là năm tài chính thứ 13 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong ghi chép kế toán và lập báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VNĐ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Ban Giám Đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư:

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định:

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công Ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thoả mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xoá sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Phương pháp khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 203 / 2009 / TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH: SỐ NĂM

Nhà cửa, vật kiến trúc 5-10 năm

Máy móc thiết bị 6 năm

Phương tiện vận tải bộ 6 năm

Phương tiện vận tải thủy 10 năm

Thiết bị văn phòng 3 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

- Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách

- Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này .

- Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí đi vay:

- Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong năm

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí phải trả, trích trước, chi phí sửa chữa lớn :

- Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm

- Việc trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ được căn cứ vào kế hoạch chi phí sửa chữa TSCĐ. Nếu chi phí sửa chữa lớn TSCĐ thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí. Nếu chi phí sửa chữa lớn thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí trong năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm:

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng 1/2 tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc chi trả trong năm được ghi giảm số dư đã trích lập trong các năm trước. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước không đủ để chi trợ cấp thôi việc cho người lao động thì toàn bộ phần chi còn thiếu được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước sau khi chi trợ cấp thôi việc trong năm vẫn còn số dư thì phần chưa chi được ghi nhận vào thu nhập khác trong năm.

9. Nguyên tắc ghi nhận cổ phiếu quỹ, cổ tức và lợi nhuận được chia:

- Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu

- Tiền lãi và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được từ lợi ích kinh tế và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong năm, khi tỷ lệ cổ tức được công bố. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông có quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

10. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu, trích lập các quỹ:

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu : được ghi nhận theo số thực tế được các cổ đông đã đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần : được ghi nhận phần chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

- Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trong trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

- Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

14. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái.
15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm (đ)	Số đầu năm (đ)
- Tiền mặt	52.244.710	6.666.778
- Tiền gửi ngân hàng	387.360.524	5.642.880.514
- Các khoản tương đương tiền (tiền gửi kỳ hạn 3 tháng trở xuống)	8.000.000.000	5.143.891.500
Cộng	8.439.605.234	10.793.438.792

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.

	Số cuối năm (đ)	Số đầu năm (đ)
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn:		
+ Cổ phiếu	646.764	646.764
+ Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu		
- Đầu tư ngắn hạn khác (tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống)	16.128.000.000	71.330.000.000
Cộng	16.128.646.764	71.330.646.764

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn :

Khoản dự phòng đầu tư chứng khoán ngắn hạn, chi tiết như sau :

- Số đầu năm	(364.464)	(10.583.431.641)
- Hoàn nhập dự phòng trong năm		10.583.067.177
- Số cuối năm	(364.464)	(364.464)

4. Các khoản phải thu khách hàng :

	Số cuối năm (đ)	Số đầu năm (đ)
- Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1	101.638.007.970	52.882.767.710
- Công ty CP Minh Tiến		2.568.201.387
- Công ty TNHH Beton Lafarge		664.894.343
- Công ty CP TAFICO Tây ninh	3.975.123.074	4.549.460.307
- Công ty CP Khoáng sản Hiệp Lực	1.117.095.771	
- Khách hàng khác	2.616.693.044	957.206.115
Cộng	109.346.919.859	61.622.529.862

5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác :

	Số cuối năm (đ)	Số đầu năm (đ)
- DNTN Lâm Thành về hao hụt Clinker, vỏ bao (*)	108.478.000	119.478.000
- Công ty Bảo hiểm Viễn đông – Bồi thường tổn thất clinker do sà lan bị chìm	60.160.000	377.237.774
- Phải thu khác	1.735.538.397	968.433.650
Cộng	1.904.176.397	1.465.149.424

6. Các khoản trả trước cho người bán:

	Số cuối năm (đ)	Số đầu năm (đ)
- Công ty TNHH tư vấn quản lý Đan thanh		60.000.000
- Cty CP Anh dương VN	5.000.000	5.000.000

- Các nhà cung cấp khác		-
Cộng	5.000.000	65.000.000
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:		
	Số cuối năm (đ)	Số đầu năm (đ)
Khoản dự phòng nợ phải thu DNTN Lâm Thành	(108.478.000)	(119.478.000)
8. Hàng tồn kho		
	Số cuối năm (đ)	Số đầu năm (đ)
- Nguyên liệu, vật liệu	484.828.590	519.198.744
- Công cụ, dụng cụ	31.743.093	14.042.602
Cộng giá gốc hàng tồn kho	516.571.683	533.241.346
9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
	Số cuối năm (đ)	Số đầu năm (đ)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.149.970.509	1.623.777.948
- Thuế GTGT	2.196.867.278	1.478.511.845
- Thuế Thu nhập cá nhân	192.800.000	41.800.000
- Các loại thuế khác		
Cộng	4.539.637.787	3.144.089.793
10. Tài sản ngắn hạn khác :		
	Số cuối năm (đ)	Số đầu năm (đ)
- Tạm ứng	-	55.000.000
- Ký quỹ dự thầu	50.000.000.000	50.000.000.000
Cộng	50.000.000.000	50.055.000.000

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình :

Đvt: đồng

DIỄN GIẢI	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải thủy	Phương tiện vận tải bộ	Dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	2.342.306.294	89.273.335.657	5.595.361.463	2.002.250.667	99.213.254.081
Mua sắm mới trong kỳ		48.101.961.204		107.200.000	48.209.161.204
Đầu tư XDCB hoàn thành		62.500.000			62.500.000
Thanh lý		(7.546.669.706)	(5.595.361.463)	(104.516.052)	(13.246.547.221)
Số cuối kỳ	2.342.306.294	129.891.127.155	-	2.004.934.615	134.238.368.064
Giá trị hao mòn					
Số đầu kỳ	2.342.306.294	32.837.555.617	5.282.167.021	1.699.882.486	42.161.911.418
Khấu hao trong kỳ		10.259.427.248		204.035.633	10.463.462.881
Thanh lý, nhượng bán		(7.546.669.706)	(5.282.167.021)	(104.516.052)	(12.933.352.779)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	2.342.306.294	35.550.313.159	-	1.799.402.067	39.692.021.520
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	-	56.435.780.040	313.194.442	302.368.181	57.051.342.663
Tại ngày cuối kỳ	-	94.340.813.996	-	205.532.548	94.546.346.544

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 15.787.038.322 đ
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý: 3.997.566.489 đ
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai:
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình.

12 Tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính

13 Tăng giảm tài sản cố định vô hình.

14 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	Số cuối năm (đ)	Số đầu năm (đ)
- Tổng chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
+ CP thiết kế sà lan tự hành	-	62.500.000
Cộng	-	62.500.000

15 Tăng giảm bất động sản đầu tư.

16 Đầu tư dài hạn khác:

	Số cuối năm (đ)	Số đầu năm (đ)
+ Tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm	12.240.000.000	-
+ Cổ phiếu HT1	20.990.879.270	20.990.879.270
Cộng	33.230.879.270	20.990.879.270

17 Chi phí trả trước dài hạn:

Tấm panneau đẩy hầm hàng sà lan

+ Số đầu năm

+ Tăng trong năm

+ Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm

+ **Số cuối năm**

0

0

18 Khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn :

Số đầu năm	(18.370.439.270)	(10.870.571.300)
Trích lập dự phòng trong năm	1.084.320.000	(7.499.867.970)
Số cuối năm	(17.286.119.270)	(18.370.439.270)

19 Chi phí phải trả người bán:

	Số cuối năm (đ)	Số đầu năm (đ)
DNTN Anh Huy	-	344.616.700
HTX Cơ khí & thương mại 2 / 9	-	300.000
Công ty CP khoáng sản Hiệp lực	-	255.104.380
DNTN Hân Tiến	2.611.167.798	-
Công ty TNHH TMDV Hồng Giang	4.652.193.048	2.308.670.808
Công ty TNHH TMDV Anh phát	1.466.913.463	1.370.864.587
Công ty TNHH Vũ Nam Sơn	340.163.792	622.069.842
DNTN Kim Trông	13.068.000	17.542.000
DNTN Thượng Hải	553.184.180	706.371.058
Cty TNHH MTV xây lắp An Giang	281.244.480	250.620.279
DNTN Phước Hoà Tân	1.099.301.048	-
Cty CP TM tiếp vận Phương Nam	2.523.363.896	-
DNTN Trung Tài	3.188.036.758	-
CTy TNHH MTV Đức Tiến	895.689.095	-
DNTN Quý Quyền	428.365.542	-

Nhà cung cấp khác	3.060.609.786	2.780.936.680
Cộng	21.113.300.886	8.657.096.334

20 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm (đ)</u>	<u>Số đầu năm (đ)</u>
- Kinh phí công đoàn	404.174.243	412.376.286
- Các khoản phải trả khác	98.870.000	108.916.332
Cộng	<u>503.044.243</u>	<u>521.292.618</u>

21 Phải trả dài hạn nội bộ.

22 Vay và nợ dài hạn.

23 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:

24 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị: đồng

Nội dung	Vốn góp	Cổ phiếu quỹ	Thặng dư vốn	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7
Số dư đầu năm trước	100.800.000.000	(251.386.896)	69.222.867.374	30.763.178.793	4.631.764.132	16.776.529.063	221.942.952.466
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	23.112.844.456	23.112.844.456
Mua cổ phiếu quỹ		(3.104.174.958)	-			-	(3.104.174.958)
Trích lập các quỹ	-	-	-	4.100.600.000	837.636.339	(6.695.636.772)	(1.757.400.433)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	(9.917.420.000)	(9.917.420.000)
Số dư cuối năm trước	100.800.000.000	(3.355.561.854)	69.222.867.374	34.863.778.793	5.469.400.471	23.276.316.747	230.276.801.531
Số dư đầu năm nay	100.800.000.000	(3.355.561.854)	69.222.867.374	34.863.778.793	5.469.400.471	23.276.316.747	230.276.801.531
Lợi nhuận năm nay		-	-		-	39.724.610.112	39.724.610.112
Trích lập các quỹ	-	-	-	8.314.000.000	1.155.642.223	(13.032.844.456)	(3.563.202.233)
Cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	(9.617.790.000)	(9.617.790.000)
Mua cổ phiếu quỹ		(307.708.188)	-				(307.708.188)
Chi khác						(352.862.877)	(352.862.877)
Số dư cuối kỳ	100.800.000.000	(3.663.270.042)	69.222.867.374	43.177.778.793	6.625.042.694	39.997.429.526	256.159.848.345

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu :

	<u>Số cuối năm (đ)</u>	<u>Số đầu năm (đ)</u>
- Vốn góp của Nhà nước	50.479.700.000	50.479.700.000
- Vốn góp của các cổ đông	50.320.300.000	50.320.300.000
Cộng	<u>100.800.000.000</u>	<u>100.800.000.000</u>
* <i>Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm</i>		
* <i>Số lượng cổ phiếu quỹ:</i>	462.210	412.210

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	<u>Số cuối năm (đ)</u>	<u>Số đầu năm (đ)</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	100.800.000.000	100.800.000.000
+ Vốn góp cuối kỳ	100.800.000.000	100.800.000.000

d. Cổ tức:

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận

đ. Cổ phiếu:

	<u>Số cuối năm (cp)</u>	<u>Số đầu năm (cp)</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.080.000	10.080.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.080.000	10.080.000
+ Cổ phiếu phổ thông	10.080.000	10.080.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	(462.210)	(412.210)
+ Cổ phiếu phổ thông	(462.210)	(412.210)
+ Cổ phiếu ưu đãi		-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.617.790	9.667.790
+ Cổ phiếu phổ thông	9.617.790	9.667.790
+ Cổ phiếu ưu đãi		-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:		10.000 đ/CP

e. Các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển: 43.177.778.793 đ
 - Quỹ dự phòng tài chính: 6.625.042.694 đ
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 2.578.402.735 đ
- * Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:
- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.
 - Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:
 - + Bù đắp những tổn hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh.

+ Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của hội đồng quản trị.

g. Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

25 Nguồn kinh phí:

26 Tài sản thuê ngoài:

VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:

	<u>Năm nay (đ)</u>	<u>Năm trước (đ)</u>
27. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (MS 01)	159.166.784.846	120.086.469.147
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hoá		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	159.166.784.846	120.086.469.147
- Doanh thu khác		
28. Các khoản giảm trừ doanh thu (mã số 02)		
29. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ (mã số 10)	159.166.784.846	120.086.469.147
Trong đó:		
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hoá		
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	159.166.784.846	120.086.469.147
30. Giá vốn hàng bán (mã số 11)	<u>Năm nay (đ)</u>	<u>Năm trước (đ)</u>
- Giá vốn của hàng hoá đã bán		
+ Giá vốn của hàng hoá đã cung cấp		
+ Giá vốn của dịch vụ vận chuyển	133.548.188.168	110.226.992.814
Cộng	<u>133.548.188.168</u>	<u>110.226.992.814</u>
31. Doanh thu hoạt động tài chính (mã số 21)	<u>Năm nay (đ)</u>	<u>Năm trước (đ)</u>
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn & không kỳ hạn	13.664.766.501	18.147.671.185
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	24.400	451.838.100
Cộng	<u>13.664.790.901</u>	<u>18.599.509.285</u>
32. Chi phí tài chính (mã số 22)	<u>Năm nay (đ)</u>	<u>Năm trước (đ)</u>
- Phí môi giới	742.738	13.910.472
- Phí uỷ thác		
- Lỗ do bán cổ phiếu đầu tư		9.662.417.296
- Dự phòng giảm giá chứng khoán	(1.084.320.000)	(3.083.199.207)
Cộng	<u>(1.083.577.262)</u>	<u>6.593.128.561</u>
33. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành (mã số 51)	<u>Năm nay (đ)</u>	<u>Năm trước (đ)</u>
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.	13.426.861.904	7.674.002.118
34. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (mã số 52)		

35. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố:	<u>Năm nay (đ)</u>	<u>Năm trước (đ)</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.993.056.193	24.148.896.244
- Chi phí nhân công	28.674.764.238	26.731.383.607
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.463.462.881	6.186.462.991
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	79.127.129.487	57.613.829.375
- Chi phí bằng tiền khác	8.321.550.632	7.514.310.765
Cộng	146.579.963.431	122.194.882.982

VII THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

36. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- 1 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:
- 2 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:
- 3 **Thông tin về các bên liên quan:**
Không có
- 4 Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 “Báo cáo bộ phận”
- 5 Thông tin về hoạt động liên tục:
- 6 Những thông tin khác :

Trên đây là một số nét chính về thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty.

